

PHÒNG
THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tạm không	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tạm không	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám, năm	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>[Signature]</u>	9.5	Chín, năm	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>[Signature]</u>	9.5	Chín, năm	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy, năm	C22TA1	
11	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>[Signature]</u>	9.5	Chín, năm	C22TA1	
12	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001				C22TA1	
13	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám, năm	C22TA1	
14	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
15	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22TA1	
16	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chín, năm	C22TA1	
17	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>[Signature]</u>	9.5	Chín, năm	C22TA1	
18	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám, năm	C22TA1	
19	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22TA1	
20	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22TA1	
21	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001				C22TA1	
22	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22TA1	
23	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy, năm	C22TA1	
24	2010130009	Trần Phi Yên	15/09/2001	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 02 . Số bài thi: 22 / 22 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Phạm Minh Trung



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: M. Brung Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm không	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám không	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám không	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám năm	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám năm	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy không	C22TA1	
11	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22TA1	
12	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001				C22TA1	
13	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22TA1	
14	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
15	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>[Signature]</u>	9.5	Chín năm	C22TA1	
16	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
17	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám không	C22TA1	
18	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
19	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22TA1	
20	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám không	C22TA1	
21	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001				C22TA1	
22	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trầm	25/06/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín không	C22TA1	
23	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22TA1	
24	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám năm	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 02 . Số bài thi: 22 / 22 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

PHÒNG
HÀO THÍ VÀ KIỂM TRA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo	26/05/2002	<u>Sương</u>	<u>7.0</u>	<u>Sáng Thảo</u>	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Phạm Minh Trung

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: U. Giang Ký tên: U. Giang
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	Sương	7.0	Bảy không	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / 01.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Phạm Minh Trung

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: Phạm Minh Trung

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>Anh</u>	8.0	Tạm không	C22TA2	
2	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>Thu Hà</u>	10	Mười	C22TA2	
3	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>Hân</u>	9.5	Chín năm	C22TA2	
4	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>Huệ</u>	9.5	Chín năm	C22TA2	
5	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>Huyền</u>	10	Mười	C22TA2	
6	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	<u>Khôi</u>	9.0	Chín không	C22TA2	
7	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>Khôi</u>	9.0	Chín không	C22TA2	
8	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>Khương</u>	9.0	Chín không	C22TA2	
9	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>Kim</u>	10	Mười	C22TA2	
10	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>Mai</u>	3.0	Ba không	C22TA2	
11	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>Nghi</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
12	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>Nhi</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
13	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>Nhi</u>	9.0	Chín không	C22TA2	
14	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>Thắm</u>	5.0	Năm không	C22TA2	
15	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>Thi</u>	9.5	Chín năm	C22TA2	
16	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>Trang</u>	10	Mười	C22TA2	
17	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>Uyên</u>	9.0	Chín không	C22TA2	
18	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	10	Mười	C22TA2	
19	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	10	Mười	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 0 . Số bài thi: 19 / 19 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày: 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Sáng

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

Phạm Minh Trung

PHÒNG
VĂN THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: M. Trung Ký tên: Am

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>Am</u>	7.5	Bảy năm	C22TA2	
2	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>Am</u>	8.5	Tám năm	C22TA2	
3	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>Am</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
4	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>Am</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
5	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>Am</u>	8.5	Tám năm	C22TA2	
6	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999	<u>Am</u>	8.5	Tám năm	C22TA2	
7	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>Am</u>	6.0	Sáu không	C22TA2	
8	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>Am</u>	7.0	Bảy không	C22TA2	
9	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>Am</u>	8.5	Tám năm	C22TA2	
10	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>Am</u>	9.0	Chín không	C22TA2	
11	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>Am</u>	7.0	Bảy không	C22TA2	
12	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>Am</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
13	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>Am</u>	9.5	Chín năm	C22TA2	
14	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>Am</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
15	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>Am</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
16	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>Am</u>	7.0	Bảy không	C22TA2	
17	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>Am</u>	8.5	Tám năm	C22TA2	
18	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>Am</u>	8.0	Tám không	C22TA2	
19	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>Am</u>	7.5	Bảy năm	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 0 Số bài thi: 19 / 19

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 05 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung

Ngày thi: 12/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: Thị T. T. T. T. Ký tên: M

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	<u>Sương</u>		6.0	Sau không	C22TA1	
2	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>Tâm</u>		5.5	Nam không	C22TA1	
3	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>Tâm</u>		6.5	Sau không	C22TA1	
4	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>Thảo</u>		6.0	Sau không	C22TA1	
5	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>Thảo</u>		8.0	Tam không	C22TA1	
6	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>Thắm</u>		6.5	Sau không	C22TA2	
7	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>Thi</u>		5.0	Nam không	C22TA2	
8	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>Thịnh</u>		6.5	Sau không	C22TA1	
9	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>Trang</u>		5.0	Nam không	C22TA2	
10	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002	<u>Trâm</u>		9.0	Chín không	C22TA1	
11	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>Tuyết</u>		5.0	Nam không	C22TA1	
12	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>Uyên</u>		5.5	Nam không	C22TA2	
13	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>		6.0	Sau không	C22TA2	
14	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>		6.5	Sau không	C22TA2	
15	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<u>Yến</u>		7.0	Bảy không	C22TA1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 15 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 15 / 15

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 12 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung

Ngày thi: 12/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1:

P. Q. Hany

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 2:

Trần Văn Long

Ký tên:

[Signature]

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn năm	C22TA1	
2	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn năm	C22TA2	
3	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C22TA1	
4	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu không	C22TA1	
5	2010130021	Quách Gia Di	11/11/2002	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu năm	C22TA1	
6	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn không	C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn năm	C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy không	C22TA2	
9	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy không	C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn năm	C22TA2	
11	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu không	C22TA2	
12	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu không	C22TA2	
13	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn năm	C22TA2	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm không	C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu năm	C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy không	C22TA2	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy năm	C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn không	C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba năm	C22TA2	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm không	C22TA2	
22	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu năm	C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba năm	C22TA2	
24	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu năm	C22TA2	
25	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn năm	C22TA1	
26	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu năm	C22TA1	
27	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyền	17/11/1996	<u>[Signature]</u>		9.0	Chín không	C22TA1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 27 / 27 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

[Signature]

Ngày 09 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

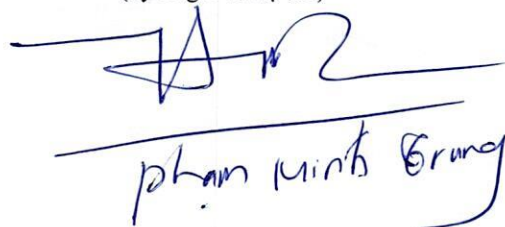


ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



phạm minh cường